

QUẢN LÝ SẢN XUẤT RAU THEO QUY TRÌNH VIETGAP TẠI HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Thị Dương Nga^{1*}, Trần Trọng², Đinh Tiến Sỹ³
Phạm Thị Tô Diệu¹, Nguyễn Thị Lý¹, Giang Hương¹, Nguyễn Thị Huyền Trang¹

¹Học viện Nông nghiệp Việt Nam
²UBND xã Vân Nội, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
³Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

*Tác giả liên hệ: ngantd@vnua.edu.vn

Ngày nhận bài: 01.04.2024

Ngày chấp nhận đăng: 12.06.2024

TÓM TẮT

Sản xuất rau theo quy trình VietGAP có ý nghĩa đối với phát triển bền vững và cung cấp thực phẩm an toàn cho người tiêu dùng. Nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng và đề xuất một số giải pháp tăng cường quản lý sản xuất rau theo quy trình VietGAP tại huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Số liệu sơ cấp được thu thập thông qua phỏng vấn 90 hộ nông dân trồng rau theo quy trình VietGAP, lãnh đạo hợp tác xã sản xuất và kinh doanh rau, cán bộ địa phương. Kết quả nghiên cứu cho thấy khu vực công (ủy ban nhân dân huyện và các ban ngành liên quan) đã thực thi đầy đủ các hoạt động quản lý sản xuất, các hộ nông dân đã áp dụng các nguyên tắc thực hành VietGAP, tuy vậy chưa triệt để. Trên cơ sở phân tích thực trạng và các khó khăn và thách thức đối với quản lý sản xuất rau theo quy trình VietGAP, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường quản lý sản xuất rau theo quy trình VietGAP tại huyện Đông Anh trong thời gian tới.

Từ khóa: Rau, VietGAP, Đồng bằng sông Hồng.

Management of Vegetable Production Adopting Vietgap Protocol in Dong Anh District, Hanoi

ABSTRACT

Vegetable production adopting VietGAP protocol are significant for sustainable development and provide safe food for consumers. This study aimed to evaluate the current situation and propose some solutions to strengthen the management of vegetable production adopting VietGAP in Dong Anh district, Hanoi city. Primary data were collected through interviews with 90 vegetable farming households adopting VietGAP process, leaders of vegetable production and trading cooperatives, and local officials. Results show that the public sector (District People's Committee and relevant departments) has fully implemented production management activities, and farmer households have adopted VietGAP practices, but there were still gaps in implementation. Difficulties and challenges for management of vegetable production adopting VietGAP were identified. Several solutions to strengthen management of vegetable production adopting VietGAP in Dong Anh district were proposed accordingly.

Keywords: Vegetable, VietGAP, Dong Anh district, Hanoi.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Rau là loại thực phẩm không thể thiếu, đặc biệt có xu hướng tiêu dùng gia tăng ở Việt Nam (ADB, 2019). VietGAP (Vietnamese Good Agricultural Practices) (Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt ở Việt Nam) do Bộ NN&PTNT ban hành dựa trên bộ tiêu chuẩn GAP của các

nước thành viên ASEAN, nhằm đảm bảo tính an toàn, sức khỏe của người dân và truy xuất nguồn gốc sản phẩm (Bộ NN&PTNT, 2008). Xu hướng quan tâm của người tiêu dùng về an toàn thực phẩm, lo ngại rủi ro tiêu dùng sản phẩm không an toàn và tính minh bạch kém của nông sản trên thị trường có thể làm giảm nhu cầu tiêu dùng thực phẩm, cụ thể là rau tại Hà Nội

(Ha & cs., 2020). Do đó quản lý sản xuất rau an toàn nói chung, rau VietGAP nói riêng có ý nghĩa quan trọng đối với người sản xuất và tiêu dùng. Mặc dù các nghiên cứu về sản xuất rau VietGAP khá phổ biến, tuy nhiên tập trung chủ yếu ở nghiên cứu hiệu quả kinh tế (Nguyễn Duy Cần & cs., 2013; Ngô Minh Hải & Vũ Quỳnh Hoa, 2021; Nguyễn Thị Mai, 2020), hoặc thực trạng phát triển sản xuất rau VietGAP (Lương Tĩnh & Đoàn Gia Dũng, 2017; Nguyễn Văn Lạc, 2022) và các yếu tố ảnh hưởng sản xuất rau VietGAP (Nguyễn Thị Dương Nga & cs., 2021; Nguyễn Thị Hồng Trang, 2016). Khá thiếu vắng các nghiên cứu về quản lý sản xuất rau theo quy trình VietGAP.

Đông Anh là huyện ngoại thành Hà Nội, được biết đến là vùng rau xanh của thành phố với các HTX sản xuất rau an toàn như Vân Nội, Bắc Hồng. Năm 2023, tổng diện tích rau toàn huyện là 3.185ha, trong đó, rau sản xuất theo quy trình VietGAP đạt khoảng 50ha, chiếm dưới 2% tổng diện tích trồng rau toàn huyện. Việc phát triển sản xuất rau theo quy trình VietGAP mang lại lợi ích kinh tế và xã hội, rau có chứng nhận VietGAP sẽ mang lại niềm tin cho người phân phối, tiêu dùng và đi vào các kênh hàng hiện đại; đảm bảo chất lượng và truy xuất nguồn gốc cho các doanh nghiệp, nhà phân phối và góp phần phát triển bền vững nông nghiệp. Yêu cầu của phát triển vùng rau an toàn trong bối cảnh đô thị hóa có thể tạo ra áp lực trong quản lý sản xuất rau an toàn nói chung, rau sản xuất theo quy trình VietGAP nói riêng. Bài viết này nhằm mục tiêu đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp quản lý sản xuất rau theo quy trình VietGAP, góp phần phát triển sản xuất rau VietGAP tại huyện Đông Anh trong thời gian tới.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Số liệu thứ cấp được thu thập tại Chi cục Thống kê và Phòng Kinh tế huyện Đông Anh. Số liệu sơ cấp được thu thập thông qua điều tra 90 hộ sản xuất rau theo quy trình VietGAP (sau này được gọi là rau VietGAP) tại 3 xã Vân Nội, Tiên Dương và Bắc Hồng, đây là 3 vùng rau an toàn tập trung, trọng điểm của huyện Đông

Anh. Số lượng mẫu điều tra là 30 hộ/xã và được lựa chọn ngẫu nhiên từ danh sách do Hội Nông dân xã cung cấp. Ngoài ra, chúng tôi phỏng vấn sâu lãnh đạo HTX rau Ba Chũ; phỏng vấn sâu cán bộ phòng kinh tế phụ trách nông nghiệp; cán bộ bảo vệ thực vật (BVTV) phụ trách xã; cán bộ phụ trách nông nghiệp xã. Phương pháp phân tích sử dụng thống kê mô tả, thống kê so sánh.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng quản lý sản xuất rau VietGAP tại huyện Đông Anh

3.1.1. *Khái quát chung thực trạng sản xuất rau VietGAP*

Huyện Đông Anh có diện tích đất tự nhiên 18.213,9ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp chiếm khoảng 50%. Sản xuất rau an toàn huyện Đông Anh đã được hình thành và phát triển từ năm 1993, sau đó hướng sang sản xuất rau VietGAP. Diện tích rau an toàn của toàn huyện đạt 804 ha vào năm 2022 và có xu hướng ổn định, trong đó diện tích rau ăn lá chiếm trên 60%, rau ăn quả chiếm khoảng 25% (UBND huyện Đông Anh, 2022). Tổng diện tích rau VietGAP toàn huyện đạt khoảng 50ha vào năm 2022, chiếm gần 2% tổng diện tích rau toàn huyện, trong đó rau ăn lá chiếm trên 50%. Với lợi thế là vùng trồng rau trọng điểm, UBND Thành phố Hà Nội, UBND huyện Đông Anh có nhiều chính sách, giải pháp thúc đẩy sản xuất rau.

3.1.2. *Hoạt động quản lý sản xuất của khu vực công*

- Quy hoạch vùng sản xuất rau VietGAP

UBND thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 3215/QĐ-UBND ngày 14/6/2019 về việc “Ban hành danh mục các vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội và tiêu chí sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của thành phố Hà Nội”, huyện Đông Anh được quy hoạch 800ha rau an toàn tập trung tại 10 xã. Riêng đối với rau VietGAP, diện tích quy hoạch chiếm xấp xỉ 33ha được bố trí chủ yếu tại các xã Vân Nội, Tiên Dương, Bắc Hồng. Đi cùng với quy hoạch là

bố trí hạ tầng cho các vùng rau như hệ thống nước tưới, điện, nhà lưới, nhà màng, hệ thống kênh mương, giao thông nội đồng và hệ thống khung lưới che phủ mặt đất.

- Hoạt động tập huấn - tuyên truyền

UBND huyện Đông Anh tổ chức các lớp tập huấn về sản xuất rau VietGAP cho nông dân và ký cam kết với hộ kinh doanh vật tư nông nghiệp (trên 130 hộ kinh doanh năm 2022). Chỉ đạo xây dựng tổng hợp danh mục thuốc BVTV được phép và không được phép sử dụng trên rau. Tại 3 xã điều tra, số hộ được tập huấn sản xuất rau VietGAP trên 80 hộ/xã vào năm 2022. Trạm BVTV huyện tham mưu cho UBND huyện Đông Anh tổ chức hội nghị tập huấn và ký cam kết phối hợp gồm 4 bên bao gồm trạm BVTV, UBND các xã, cơ sở sản xuất, người thu mua sản phẩm, 20 hội nghị tập huấn, hội nghị đầu bờ mô hình ứng dụng bẫy bả chua, ngọt, bẫy dính mẫu phòng trừ sâu hại, bón phân hữu cơ cải tạo đất và sử dụng màng phủ Passlite cho rau; mở 5 lớp tập huấn ngắn hạn về an toàn thực phẩm (ATTP) cho 250 người sản xuất, sơ chế rau, 02 lớp quản lý dịch hại tổng hợp IPM trên cây rau cho 60 hộ trong nhóm nông dân nòng cốt tham gia. Trạm BVTV huyện phối hợp với phòng Kinh tế và UBND các xã ký cam kết ATTP trong sản xuất rau, quả an toàn (năm 2021, đã ký được 3.677/4.050 hộ sản xuất rau an toàn, đạt 90,8%). Hệ thống truyền thanh của huyện và xã phát các bản tin về quy trình sản xuất rau an toàn rau VietGAP, rau hữu cơ chất

lượng cao và những tấm gương tiêu biểu điển hình trong sản xuất rau VietGAP để tuyên truyền mọi người nông dân cùng tổ chức thực hiện. Tổng số giờ phát thanh của đài truyền thanh huyện và xã liên quan tới sản xuất nông nghiệp và rau VietGAP là trên mỗi năm. UBND huyện cấp phát được 8.000 bộ tài liệu tờ rơi, poster, panô cho các xã về quy trình sản xuất rau VietGAP, rau hữu cơ, che phủ lynon, danh mục thuốc BVTV không được phép sử dụng trên rau.

- Cấp giấy chứng nhận rau VietGAP

Các đơn vị chức năng (Phòng kinh tế, Trạm BVTV) kết hợp với các đơn vị (trung tâm phân tích và chứng nhận chất lượng sản phẩm nông nghiệp Hà Nội) cấp chứng nhận VietGAP cho rau trên địa bàn huyện Đông Anh, với tổng diện tích xấp xỉ 30ha cho tới năm 2022 (Bảng 1).

- Thanh, kiểm tra sản xuất rau VietGAP

Hàng năm UBND huyện thành lập các đoàn thanh kiểm tra nhằm phát hiện và giám sát quy trình sản xuất rau VietGAP. Phối hợp với các cơ quan liên quan hàng năm lấy mẫu xét nghiệm. Tại 3 xã điều tra, tổng số mẫu xét nghiệm là 139 cho toàn bộ diện tích rau, trong đó số mẫu không đạt tiêu chuẩn chiếm khoảng 5%. Con số này, mặc dù thấp hơn rất nhiều so với thị trường chung, khoảng 50% (Trần Hữu Hiệp, 2022), song trong thời gian tới vẫn cần giám sát chặt chẽ hơn nữa việc sử dụng hóa chất trong sản xuất rau của hộ nông dân.

Bảng 1. Diện tích các cơ sở sản xuất rau VietGAP được cấp Giấy chứng nhận (năm 2022)

Tên sản phẩm	DT gieo, trồng (ha)	Sản lượng (tấn)
Công ty TNHH Nhị Hà	3,18	311
Xí nghiệp Bắc Hà	1,05	18,7
Công ty Cổ phần rau Hải Anh	3,6	330
Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Đức	3,0	290
HTX Rau an toàn Văn Trì Văn Nội	5,5	539
HTX Ba Chũ	2,88	255
HTXDVTM Đoàn Thanh Niên	3,7	362
HTX Rau an toàn Bắc Hồng	5,0	480
HTX Tiên Dương	5,0	650
Tổng cộng	32,91	3 235,7

3.1.3. Hoạt động quản lý tại hộ sản xuất

Theo nội dung quản lý sản xuất VietGAP (Bộ NN&PTNT, 2008), tại hộ sản xuất cần quản lý đất trồng, quản lý nước tưới, quản lý giống, sâu bệnh, ghi chép nhật ký sản xuất, lưu trữ hồ sơ; sử dụng một số biện pháp khác nhằm tăng năng suất cây trồng; quản lý thu hoạch sản phẩm truy xuất nguồn gốc và thu hồi sản phẩm.

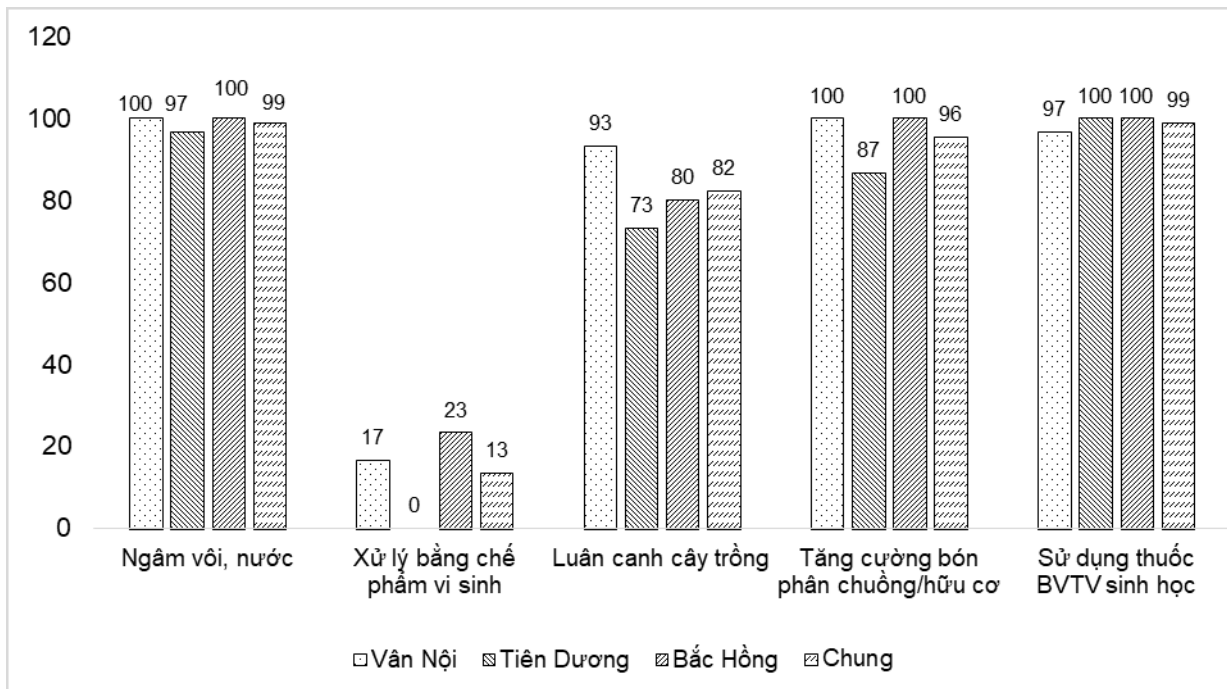
- Quản lý đất trồng

Do là vùng chuyên canh, hệ số sử dụng ruộng đất cao, duy trì độ màu mỡ của đất được quan tâm đặc biệt. Nông dân sử dụng một số biện pháp quản lý đất trồng bao gồm: (i) ngâm ủ đất và rắc vôi bột nhằm khử chất độc trong đất cũng tiêu diệt một số côn trùng có trong đất như giun, dế, trứng sâu (hầu như 100% các hộ sử dụng biện pháp này); (ii) cải tạo đất bằng cách dùng chế phẩm sinh học (tỷ lệ ứng dụng còn hạn chế do chi phí cao); (iii) luân canh cây trồng, (iv) tăng cường bón phân hữu cơ và (v) sử dụng thuốc BVTV sinh học. Hai biện pháp cuối cùng được gần 100% hộ áp dụng. Theo kết quả lấy mẫu của trạm BVTV Đông Anh (2022) các mẫu đất sản xuất rau vùng VietGAP đều đạt yêu cầu, các chỉ tiêu như độ PH, hàm lượng asen,

thủy ngân, chì... và vi khuẩn *E. coli* đều thấp hơn quy định QCVN03-MT:2015/BTNMT.

Quản lý nguồn nước tưới: Điều kiện nguồn nước rất dồi dào với nhiều hệ thống sông, đằm, ao hồ, đặc biệt lượng nước ngầm lớn đảm bảo phục vụ sản xuất. Theo số liệu điều tra, 100% các hộ trồng rau sử dụng nguồn nước được cung cấp qua hệ thống thủy lợi, ngoài ra, các hộ cũng chủ động khoan giếng, trong đó có khoảng gần 40% tổng số hộ có sử dụng hệ thống tưới tiết kiệm (vòi xoay, phun sương). Hàng năm có từ 3 đến 5 HTX, hộ gia đình lấy mẫu nước tại các xứ đồng sản xuất đem đi xét nghiệm phân tích, kết quả các mẫu nước đều đạt quy định đề ra như nồng độ pH, Cu, Zn hay Hg đều đạt yêu cầu (Bảng 2).

Quản lý giống cây trồng: Hạt giống cây trồng được hộ gia đình nông dân của 3 xã mua chủ yếu từ đại lý, dao động từ 47-96,7% số hộ. Tại xã Tiên Dương, nhiều hộ tự mua từ các hộ ở Vân Nội (vùng trồng rau giống). Khoảng 3% nông dân tự sản xuất giống như hạt mồng tơi, hạt rau cải canh. Tuy nhiên hạt giống tự sản xuất có tỷ lệ nảy mầm không cao, thời gian sản xuất dài, và mất dinh dưỡng đất nhiều hơn. Đa số các loại hạt giống nhập khẩu có giá thành cao.



Hình 1. Các biện pháp bảo vệ đất trồng rau (% hộ thực hiện năm 2022)

Bảng 2. Kết quả phân tích mẫu nước dùng tưới rau được lấy từ giếng khoan năm 2022

Thông số	Đơn vị tính	Giới hạn cho phép (theo 39:2011/BTNMT)	Kết quả
pH		5,5-9	7,2
DO	ppm	≥ 2	9
TDS	mg/l	2.000	755
SAR		9	8
Cl ⁻	mg/l	350	198
SO ₄ ²⁻	mg/l	600	340
Bo (B)	mg/l	3	2,0
As	mg/l	0,05	-
Pb	mg/l	0,05	0,02
Cu	mg/l	0,5	0,41
Zn	mg/l	2,0	0,8
Hg	mg/l	0,001	-

Nguồn: Trạm BVTV huyện Đông Anh (2022).

Bảng 3. Quản lý phân bón tại hộ (% số hộ điều tra năm 2022)

Chỉ tiêu	Vân Nội (n = 30)	Tiên Dương (n = 30)	Bắc Hồng (n = 30)	Chung (n = 90)
Nơi mua phân bón				
Cửa hàng	100	100	100	100
Hộ chăn nuôi	60	70	43,3	57,8
Trang trại	40	30	56,7	42,2
Liều lượng phân bón				
Đúng theo HD của kỹ thuật, khuyến nông	66,7	73,3	50	63,3
Theo HD của kỹ thuật/khuyến nông nhưng có điều chỉnh theo kinh nghiệm	33,3	26,7	50	36,7
Ghi chép lịch bón phân	20,0	23,3	13,3	18,9

Quản lý phân bón: Không có hộ nào sử dụng phân tươi để tưới và bón cho cây trồng. Nhờ có công tác tuyên truyền, tập huấn của trạm BVTV và công tác quản lý các cửa hàng phân, không có phân bón giả, kém chất lượng bán cho hộ gia đình sản xuất rau. Hộ nông dân ngày càng có xu hướng sử dụng phân bón hữu cơ, vô cơ, tro bếp, phân bón vi sinh nhằm bảo vệ ruộng đất và chất lượng sản phẩm. Các hộ mua phân chim cút, gà, lợn, trùn quế chất thành đống to ở bờ hoặc ở góc ruộng ủ làm phân hữu cơ để bón cho cây trồng. Ngoài ra tro bếp cũng được các hộ gia đình mua về để bón cho cây trồng đem lại hiệu quả tốt. Trên 90% số hộ tại Vân Nội và Bắc Hồng cho biết có sử dụng bảo hộ lao động (găng tay, quần

áo, mũ) khi đi bón phân, tỷ lệ này thấp nhất ở Tiên Dương (trên 60%).

Quản lý sâu, bệnh: Tất cả các hộ sản xuất đều biết nguyên tắc “4 đúng” trong sử dụng thuốc BVTV đúng thuốc, đúng liều lượng, đúng cách. Một trăm phần trăm các hộ mua thuốc BTVT tại các cửa hàng bán vật tư nông nghiệp. Tuy nhiên, rất ít hộ ghi chép lại thời gian, liều lượng phun thuốc (Bảng 4). Các hộ có ghi chép hầu như là thành viên các HTX.

Việc dùng bảo hộ khi phun thuốc BVTV cũng được các hộ gia đình thực hiện rất tốt như mặc quần áo bảo hộ, dùng tấm chắn kính, đeo găng tay, đi ủng, pha thuốc có dùng gậy để khuấy đều thuốc trong bình, tỷ lệ hộ nông dân dùng

khẩu trang vải để đeo khi phun thuốc BVTV tuy nhiên hộ gia đình của xã Bắc Hồng thấp hơn 2 xã còn lại Văn Nội và Tiên Dương (Hình 2). Nhìn chung, tỷ lệ này cao hơn đáng kể so với các nơi khác như ở các nghiên cứu của Anaïs & cs. (2022), Ratana & Ajchamon (2020).

Sử dụng một số biện pháp khác: Các hộ nông dân sử dụng biện pháp khác nhằm bảo vệ cây trồng, đó là dùng tấm lynet che phủ trên rau, nhằm hạn chế tác động của thời tiết bất lợi như mưa to, nắng gắt, không khí lạnh. Khi đất được đánh thành luống, hộ gia đình dùng khung thép uốn cong trên mặt luống rồi dùng lynet phủ lên mặt luống. Tổng chi phí cho biện pháp này khoảng 1.380.000 đ/sào/năm nhưng mang lại lợi ích lớn giúp giữ năng suất cây trồng, tiết kiệm nước tưới, phù hợp với tập quán canh tác (gần 100% hộ sử dụng biện pháp này).

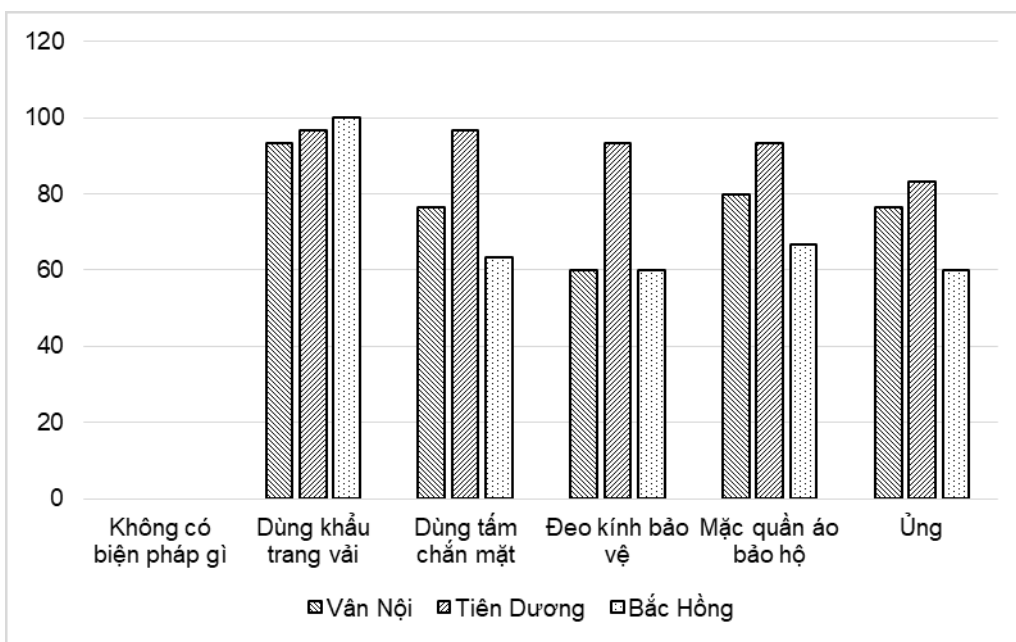
Quản lý thu hoạch: Công tác quản lý trước khi thu hoạch được hộ gia đình của xã tuân thủ rất nghiêm ngặt, chấp hành và thực hiện theo khuyến cáo của nhà sản xuất thuốc BVTV và thời gian cách ly. Mặc dù vậy, tỷ lệ hộ nông dân tuân thủ đúng hướng dẫn theo bao bì ghi

trên nhãn mác thuốc BVTV chưa đạt 60%; làm theo hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật ở cả 3 xã nhìn chung đạt thấp (trên 20%). Người dân còn chủ quan, mặc dù đã được tập huấn, song khi về rất hay quên (Phỏng vấn cán bộ BVTV). Còn một tỷ lệ nhỏ số hộ làm theo kinh nghiệm, nhìn thời tiết (ví dụ một số quan niệm trời mưa sẽ rửa trôi thuốc BVTV). Sản phẩm rau sau khi thu hoạch được dùng nước từ giếng khoan rửa sạch, đóng gói.

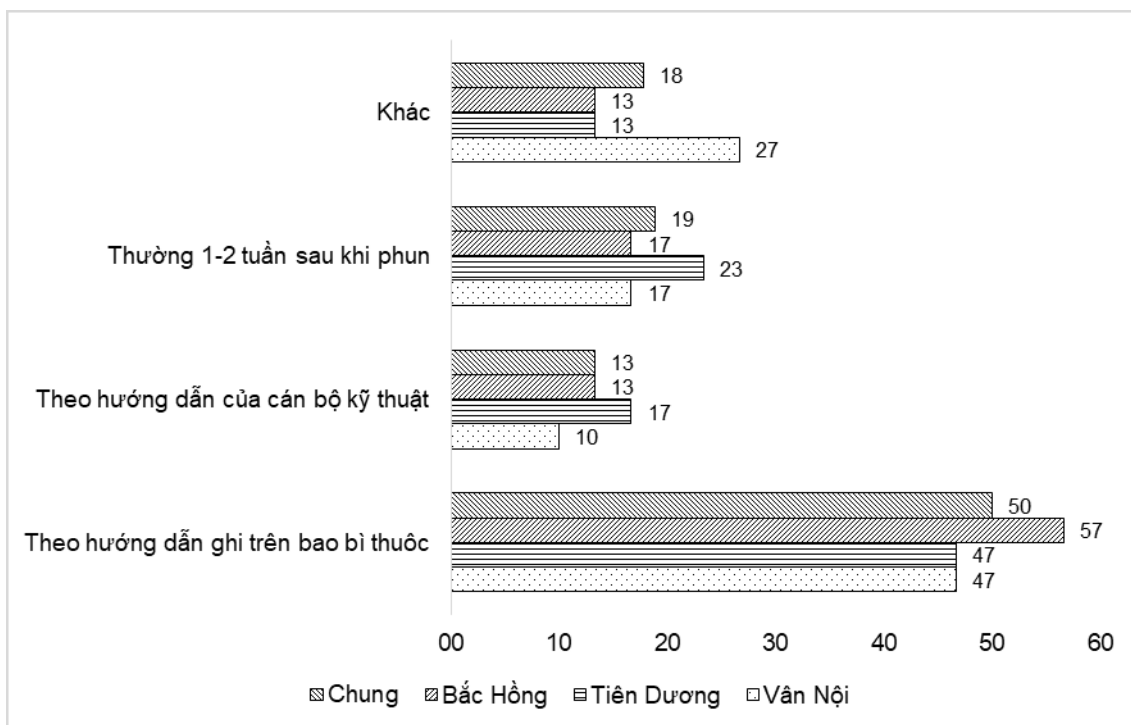
Quản lý ghi chép, lưu trữ hồ sơ, truy xuất nguồn gốc và thu hồi sản phẩm: Việc ghi chép sổ nhật ký sản xuất rau đóng vai trò hết sức quan trọng nhằm truy xuất nguồn gốc sản phẩm cũng như thời gian sinh trưởng để khi cung cấp ra thị trường, có thể chứng minh đây là sản phẩm sạch, sản phẩm an toàn. Người tiêu dùng có thể dùng điện thoại thông minh quét mã QR code là biết sản phẩm này được sản xuất ở vùng nào. Tuy vậy, số lượng hộ ghi chép hồ sơ sản xuất đầy đủ chỉ chiếm khoảng gần 1/4 tổng số hộ (Bảng 5). Nhìn chung, hộ nông dân còn ít quan tâm việc ghi chép nhật ký đầy đủ (Phạm Thị Dinh & cs., 2019).

Bảng 4. Quản lý và sử dụng thuốc Bảo vệ thực vật (% hộ, năm 2022)

	Văn Nội (n = 30)	Tiên Dương (n = 30)	Bắc Hồng (n = 30)	Chung (n = 90)
Nơi mua				
Cửa hàng thuốc BVTV	100	100	100	100
Phun thuốc BVTV cho rau khi:				
Khi vừa chớm phát hiện ra sâu bệnh trên rau	100	100	100	100
Khi quan sát thấy mức độ nghiêm trọng	43,3	30,0	20,0	31,1
Cứ khi nào thấy sâu thì phun	33,3	66,7	20,0	40,0
Có ghi chép thời gian, liều lượng phun	20,0	26,6	16,6	3,3
Có đọc các thông tin trên vỏ bao bì thuốc BVTV				
Tên thuốc	56,7	66,7	66,7	63,3
Thành phần	66,7	76,7	73,3	72,2
Cách sử dụng	56,7	66,7	70,0	64,4
Loại sâu bệnh mà thuốc trị	53,3	73,3	66,7	64,4
Hạn sử dụng	70,0	33,3	73,3	58,9
Bảng màu hiển thị độ độc của thuốc	76,7	80,0	86,7	81,1
Thời gian cách ly	73,3	76,7	76,7	75,6
Cách pha chế thuốc				
Hướng dẫn ghi trên nhãn	53,3	66,7	60,0	60,0
Hướng dẫn của cán bộ KT/khuyến nông/Đại lý	63,3	66,7	70,0	66,7
Kinh nghiệm	43,3	50,0	36,7	43,3



Hình 2. Biện pháp bảo hộ lao động khi đi phun thuốc BVTV (% hộ, năm 2022)



Hình 3. Cách sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trước khi thu hoạch (năm 2022)

Bảng 5. Ghi nhật ký sản xuất, lưu trữ hồ sơ, truy xuất nguồn gốc (% hộ, năm 2022)

	Vân Nội (n = 30)	Tiên Dương (n = 30)	Bắc Hồng (n = 30)	Bình quân (n = 90)
A. Có ghi chép hồ sơ sản xuất	100	100	100	100
B. Ghi chép hồ sơ sản xuất đầy đủ	20,0	23,3	13,3	18,9

3.2. Một số thuận lợi, khó khăn và tồn tại đối với quản lý sản xuất rau VietGAP tại huyện Đông Anh

3.2.1. Thuận lợi

Là vùng trồng rau lâu đời, nông dân rất có kinh nghiệm trong trồng, chăm sóc rau. Trong quản lý dinh dưỡng, một số nông dân cho biết họ có thể nhìn màu lá, quan sát đất, thời tiết để điều chỉnh mức bón phân phù hợp. Huyện Đông Anh có nguồn nước ngầm trữ lượng tốt, bắt đầu từ độ sâu 20m và sâu xuống 94m. Bên cạnh đó, UBND huyện Đông Anh có nhiều chính sách hỗ trợ ví dụ như năm 2021, tổng số thuốc trừ sâu sinh học hỗ trợ cho 8 xã trong huyện là 56.995 gói. Năm 2022, UBND huyện hỗ trợ nông dân trên 100.000 gói thuốc trừ bệnh Aizabin WP - 10gr, Carozate 72WP-20gr (Trạm BVTV huyện Đông Anh, 2022). Huyện có chính sách hỗ trợ xét nghiệm các mẫu rau, đất, nước sau khi hết 3 năm đầu tiên cấp giấy chứng nhận rau VietGAP; hỗ trợ thủ tục pháp lý khi xác nhận vùng quy hoạch, điểm sơ chế đóng gói sản phẩm. Năm 2023, UBND huyện Đông Anh dành 15 tỷ đồng cho hoạt động nông nghiệp, trong đó 7,2 tỷ đồng mua thuốc BVTV sinh học để cấp cho hộ gia đình sử dụng trên cây rau (phỏng vấn trưởng phòng kinh tế huyện Đông Anh). Nông dân được cung cấp thông tin, dự báo tình hình sâu bệnh, bồi dưỡng kiến thức sử dụng thuốc BVTV, cách làm thuốc thảo dược bảo vệ cây trồng. Cán bộ chính quyền, cán bộ chuyên môn có năng lực khá cả ở cấp huyện và xã, nên có sự hỗ trợ và quản lý sát sao sản xuất rau VietGAP tại huyện. Bên cạnh đó, thông qua phỏng vấn chúng tôi thấy rằng nông dân trồng rau huyện Đông Anh có kinh nghiệm rất tốt trong sản xuất rau và hướng tới phát triển bền vững. Họ nhận thức rằng việc thâm canh (do áp lực diện tích thu hẹp, áp lực thu nhập dẫn tới sử dụng nhiều hóa chất) có thể dẫn tới thoái hóa đất, ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng tới sản xuất trong tương lai nên có xu hướng chuyển sang sử dụng các đầu vào hữu cơ, vi sinh, sử dụng các biện pháp để sản xuất an toàn (màng nylon).

3.2.2. Khó khăn, tồn tại

Phân tích trên cho thấy mặc dù về phía Nhà nước, hộ nông dân có nhiều giải pháp quản lý sản xuất rau VietGAP, tuy nhiên vẫn còn

hiện tượng có mẫu rau chưa đạt tiêu chuẩn - mặc dù không đáng kể; nông dân chưa triệt để thực hành tất cả các quy định trong quản lý sản xuất rau VietGAP, bao gồm sử dụng bảo hộ lao động đầy đủ khi phun thuốc BVTV cũng như xử lý rác thải thuốc BVTV, quản lý thu hoạch còn một tỷ lệ làm theo kinh nghiệm, quản lý ghi chép hồ sơ phục vụ truy xuất nguồn gốc sản phẩm chưa được thực hiện đầy đủ. Nghiên cứu của Phạm Thị Dinh (2021), Ngô Minh Hải & Vũ Quỳnh Hoa (2021), Nguyễn Văn Lạc (2022) cũng cho thấy nhìn chung nông dân chưa thực hiện đầy đủ các yêu cầu của quy trình. Tại huyện Đông Anh, một số nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế này như sau:

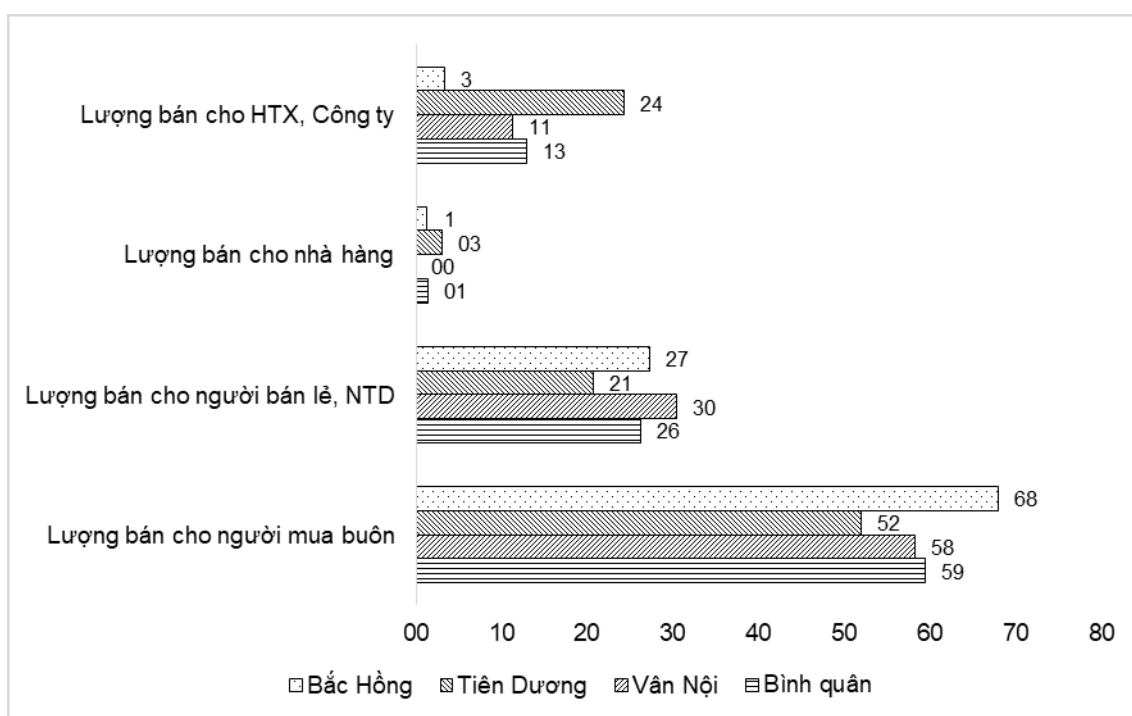
- Việc tổ chức giám sát và nhắc nhở các hộ gia đình chưa được liên tục, thường xuyên vì lực lượng cán bộ làm công tác BVTV mỏng. Hiện tại chỉ có 1 cán bộ phụ trách BVTV cho 2-3 xã nên khó có thể giám sát các hộ thực hiện. Nhận thức không đồng đều của 1 bộ phận nhỏ hộ gia đình về sử dụng thuốc BVTV chưa đúng nơi quy định; các điểm thu gom vỏ bao bì thuốc BVTV không được đốt thường xuyên để vỏ bao bì gió bay ra khu vực xung quanh bể chứa; một số hộ còn tình trạng chủ quan khi không thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo hộ lao động dùng bảo hộ lao động khi bón phân và sử dụng thuốc BVTV.

- Lao động trồng rau có kinh nghiệm là lợi thế. Tuy nhiên tuổi cao, nữ hóa và tính bảo thủ vẫn còn nên việc quản lý sản xuất chưa thực sự theo đúng quy định. Số lao động tham gia sản xuất rau cả bình quân là 2 người/hộ chủ yếu là người già, người cao tuổi, người không có khả năng tham gia lao động trong lĩnh vực công nghiệp. Độ tuổi bình quân của lao động chính trồng rau là xấp xỉ 52 (Bảng 6), tỷ lệ nữ chiếm gần 60%, họ ngại ghi chép dẫn tới khó khăn trong truy nguyên nguồn gốc sản phẩm - đây là yêu cầu của nhiều nhà hàng, khách sạn, bếp ăn.

Diện tích nhỏ và manh mún: Bình quân mỗi hộ có khoảng trên 4 sào đất trồng rau, phân tán bình quân trên 2-3 thửa ruộng khác nhau. Phân tán đất đai gây khó khăn cho các hộ ứng dụng quy trình VietGAP, đặc biệt khi xen lẫn với các hộ không áp dụng VietGAP rất khó khăn cho quản lý sâu bệnh. Việc phân tán các mảnh ruộng này cũng làm tăng chi phí, đặc biệt là lao động chăm sóc và quản lý sản xuất rau.

Bảng 6. Một số thông tin lao động sản xuất rau VietGAP (năm 2022)

Các chỉ tiêu	ĐVT	Vân Nội (n = 30)	Tiên Dương (n = 30)	Bắc Hồng (n = 30)	BQ (n = 90)
Tuổi bình quân lao động chính	Tuổi	51,4	52,3	51,2	51,6
Lao động chính là nữ giới	%	53,3	76,7	46,7	58,9
Năm kinh nghiệm trồng rau	Năm	25,7	16,6	27,2	23,2
Số lao động sản xuất rau	Người	1,9	1,9	2,2	2,0
Diện tích đất trồng rau	Sào	4,0	2,5	6,5	4,3
Diện tích rau VietGAP	Sào	4,0	2,5	5,4	4,0



Hình 4. Tỷ lệ khối lượng rau bán cho các người mua khác nhau (năm 2022)

Thiếu vốn đầu tư: trong bối cảnh đô thị hóa và thiếu lao động, việc đầu tư công nghệ cao trong sản xuất rau VietGAP là cần thiết. “Việc đầu tư làm nhà lưới kiên cố với hệ thống tưới nước tiết kiệm như phun sương, giá thành còn khá cao do đó không phải hộ gia đình nào cũng làm được, mỗi bộ máy phun sương/sào trị giá 30 triệu, với kinh phí như vậy không phải hộ nào cũng có điều kiện để đầu tư, mà việc đầu tư chọn bộ giàn phun thì phải có nhà lưới kiên cố, mỗi sào đầu tư 150 triệu như vậy mới đồng bộ và hiệu quả” - phỏng vấn cán bộ phòng kinh tế huyện.

Chất lượng hạt giống trong nước sản xuất không đáp ứng đủ vẫn phải nhập khẩu, dẫn tới

khó khăn trong việc lựa chọn và quản lý giống của các hộ, do các giống nhập ngoại thường đắt.

Thị trường là yếu tố sau cùng và đóng vai trò quyết định đối với thực hành quản lý sản xuất rau VietGAP tại các hộ nông dân. Theo số liệu điều tra, phần lớn rau VietGAP vẫn phải bán qua thu gom, thương lái ra các chợ bán buôn, bán lẻ truyền thống; chỉ có khoảng 15% sản lượng rau được bán cho các HTX, công ty, nhà hàng theo các hợp đồng, do yêu cầu giấy tờ pháp lý mà cá nhân sẽ không đáp ứng đầy đủ được. Giá bán rau VietGAP ra thị trường thông thường hầu như không khác so với rau không sản xuất VietGAP. Đây là điều không khuyến khích hộ áp dụng quy

trình VietGAP đầy đủ (phỏng vấn cán bộ BVTV, giám đốc HTX Ba Chũ). Khó khăn này cũng được đề cập bởi nhiều nghiên cứu khác như Phạm Thị Dinh và cs (2019), Nguyễn Anh Minh và Nguyễn Tuấn Sơn (2017).

3.3. Một số giải pháp tăng cường quản lý sản xuất rau VietGAP

Trong bối cảnh đô thị hóa cao hiện tại tại huyện Đông Anh (UBND huyện Đông Anh, 2020), diện tích rau sẽ bị thu hẹp trong những năm tới. Áp lực duy trì sản lượng, thu nhập có thể sẽ khó khăn hơn cho quản lý sản xuất rau VietGAP. Phân tích các thuận lợi, khó khăn trong quản lý sản xuất rau VietGAP, một số giải pháp sau đây được đề xuất:

Rà soát quy hoạch vùng sản xuất rau VietGAP và công bố tới người dân: do thay đổi trong quy hoạch sử dụng và chuyển đổi đất đô thị, nhiều xã trong vùng rau trọng điểm (như Tiên Dương) sẽ giảm đáng kể diện tích rau và có sự dịch chuyển về vùng sản xuất. Tiếp tục tăng cường đầu tư, định hướng vùng trồng rau mới trọng điểm hướng về địa bàn các xã phía đông của huyện Đông Anh. Các xã có diện tích sản xuất rau an toàn và sản xuất rau VietGAP diện tích không nằm trong vùng thu hồi đất, tiếp tục vận động đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ để duy trì diện tích rau hiện tại.

Tăng cường giám sát hoạt động của cán bộ BVTV, cũng như hình thành tổ giám sát cộng đồng (ông dân tự giám sát nhau) như nguyên tắc của hệ thống PGS (Hệ thống tự giám sát cho sản phẩm hữu cơ). Tiếp tục tổ chức tập huấn bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và đầu tư trang bị cho các bộ xã về kỹ năng thanh tra, giám sát các hoạt động kinh doanh tự liệu sản xuất đầu vào kinh doanh tại các xã.

Tăng cường công tác truyền thông, phổ biến các văn bản liên quan đến quản lý và sản xuất rau VietGAP, những rủi ro khi sử dụng hóa chất trong sản xuất không đúng cách và ảnh hưởng tới người sản xuất, người tiêu dùng.

Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ dồn điền đổi thửa, tạo điều kiện tập trung đất đai ở quy mô lớn hơn tạo điều kiện cho ứng dụng công nghệ cao, sản xuất VietGAP. Khuyến khích chuyển

đổi một phần diện tích lúa hiệu quả thấp hơn sang sản xuất rau VietGAP.

Đưa công nghệ thông tin vào sản xuất và quản lý truy xuất nguồn gốc của sản phẩm. Dẫn đưa vào ứng dụng chuyển đổi số trong sản xuất rau trong ghi chép nhật ký đồng ruộng trên các app điện thoại thông minh, giúp nông dân hình thành thói quen ghi chép, đáp ứng nhu cầu truy xuất sản phẩm của người mua.

Tạo động lực cho người dân sản xuất rau theo quy trình VietGAP: tiếp tục hỗ trợ các đầu vào sinh học, hỗ trợ chứng nhận sản phẩm, kết nối với các doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm để có giá tốt hơn. củng cố, phát triển các HTX sản xuất và kinh doanh rau VietGAP nhằm tăng sản lượng rau VietGAP được bán qua các cửa hàng, có tem mác, truy xuất nguồn gốc và có giá tốt hơn rau truyền thống.

Tạo điều kiện vay vốn đầu tư vào làm nhà lưới hiện đại, máy móc hiện đại để sản xuất với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ cho khách hàng khi gặp rủi ro do thiên tai, dịch bệnh.

Hỗ trợ các HTX sản xuất, tiêu thụ tham gia chuỗi giá trị các trang thiết bị cần thiết để thực hiện kiểm định nhanh ngay tại thửa ruộng đang thu hoạch để tự giám sát chỉ tiêu về an toàn thực phẩm, thiết kế bao bì, tem nhận diện sản phẩm, quảng bá và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

4. KẾT LUẬN

Để có được sản phẩm rau VietGAP đảm bảo chất lượng, có được niềm tin của người tiêu dùng, quản lý sản xuất cần được thực hiện đầy đủ và có hiệu lực. Kết quả nghiên cứu tại huyện Đông Anh cho thấy UBND huyện và các ban ngành liên quan đã có những hoạt động quản lý đầy đủ, từ quy hoạch vùng, tới tuyên truyền, tập huấn, hỗ trợ nông dân sản xuất rau VietGAP. Các hộ nông dân cũng đã thực hiện quản lý từ đất trồng, các đầu vào, tới thu hoạch sản phẩm và ghi chép nhật ký. Tổng diện tích rau được cấp chứng nhận VietGAP năm 2022 đạt xấp xỉ 33ha, chiếm trên 60% diện tích rau VietGAP toàn huyện. Rau an toàn nói chung và rau VietGAP nói riêng của huyện Đông Anh đã và đang khẳng định thương hiệu trên thị trường

Hà Nội. Mặc dù vậy, quản lý sản xuất tại hộ nông dân còn một số tồn tại, đặc biệt trong sử dụng thuốc BVTV, quản lý thu hoạch cũng như ghi chép nhật ký đồng ruộng. Một số nguyên nhân được xác định, bao gồm yếu tố nguồn lực cán bộ làm công tác thanh kiểm tra, đất đai manh mún, lao động già hóa và làm theo kinh nghiệm, manh mún đất đai, và thị trường tiêu thụ sản phẩm. Để quản lý tốt hơn sản xuất rau VietGAP trong bối cảnh đô thị hóa hiện nay, một số giải pháp được đề xuất, bao gồm rà soát quy hoạch đất trồng rau VietGAP, dồn điền đổi thửa, tăng cường giám sát, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý sản xuất tại hộ, tuyên truyền - tập huấn nâng cao nhận thức, kiến thức và kỹ năng của nông dân và tạo động lực cho nông dân sản xuất rau theo quy trình VietGAP.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- ADB (2019). Dysfunctional Horticulture Value Chains and the Need for Modern Marketing Infrastructure: The Case of Viet Nam. Retrieved from <https://www.adb.org/sites/default/files/publication/534726/dysfunctional-horticulture-value-chains-viet-nam.pdf> on Mar 20, 2024.
- Anais Galli, Mirko S. Winkler, Thuy Doanthu, Samuel Fuhriemann, Tuyen Huynh, Eric Rahn, Christian Stamm, Philipp Staudacher, Tung Van Huynh & Georg Loss (2022). Assessment of pesticide safety knowledge and practices in Vietnam: A cross-sectional study of smallholder farmers in the Mekong Delta, *Journal of Occupational and Environmental Hygiene*. 19(9): 509-523 doi: 10.1080/15459624.2022.2100403
- Bộ NN&PTNT (2008). Quyết định số 379/2008/QĐ-BNN-KHCN ban hành Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho rau, quả tươi an toàn tại Việt Nam (VietGap).
- Ha T.M., Shakur S. & Do K.H.P. (2020). Risk perception and its impact on vegetable consumption: A case study from Hanoi, Vietnam. *Journal of Cleaner Production*. 271: 122793.
- Lương Tình & Đoàn Gia Dũng (2017). Thực trạng sản xuất rau VietGAP của nông hộ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam. *Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung*. 4: 3-10.
- Ngô Minh Hải & Vũ Quỳnh Hoa (2021). Đánh giá hiệu quả kinh tế và các biện pháp kỹ thuật trong phát triển sản xuất rau an toàn vùng Đồng bằng Sông Hồng. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*. 291(2): 24-34.
- Nguyễn Anh Minh & Nguyễn Tuấn Sơn (2017). Thực trạng và giải pháp thúc đẩy sản xuất và tiêu thụ sản phẩm rau an toàn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình. *Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp*. 6: 437-445.
- Nguyễn Duy Cần, Lê Văn Dũng, Trần Huỳnh Khanh & Võ Thị Gương (2013). Đánh giá hiệu quả kinh tế và các lợi ích xã hội của mô hình canh tác bắp cải rau theo tiêu chuẩn GlobalGAP tại Chợ Mới, An Giang. *Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ*. (25): 37-44.
- Nguyễn Minh Hà & Nguyễn Văn Hùng (2016). Các yếu tố tác động đến việc tham gia VietGAP của hộ trồng thanh long: trường hợp nghiên cứu tại huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. *Tạp chí Phát triển Kinh tế*. 27(6): 102-120.
- Nguyễn Thị Dương Nga, Dương Nam Hà, Phạm Văn Hùng, Hoàng Văn Nghĩa & Phạm Thị Tô Diệu (2021). Yếu tố ảnh hưởng tới quyết định sản xuất rau an toàn của hộ nông dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*. 291(2): 148-157.
- Nguyễn Thị Hồng Trang (2016). Các nhân tố ảnh hưởng tới việc áp dụng thực hành nông nghiệp tốt của các cơ sở sản xuất rau ở Việt Nam. Luận án Tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
- Nguyễn Thị Mai (2020). Đánh giá hiệu quả kinh tế sản xuất hành lá theo tiêu chuẩn VietGAP tại phường Hương An, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. *Tạp chí Khoa học Quản lý và Kinh tế, Trường Đại học Kinh Tế, Đại học Huế*. 18.
- Nguyễn Văn Lạc (2022) Nghiên cứu phát triển sản xuất rau an toàn tại tỉnh Thừa Thiên - Huế. Luận án Tiến sĩ kinh tế nông nghiệp, Đại học Huế.
- Phạm Thị Dinh, Phạm Văn Hùng & Nguyễn Văn Hoàng (2019). Phát triển sản xuất vải thiều theo tiêu chuẩn GAP tại tỉnh Bắc Giang *Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam*. 17(9): 754-763.
- Ratana Sapbamrer, Ajchamon Thammachai (2020). Factors affecting use of personal protective equipment and pesticide safety practices: A systematic review, *Environmental Research*. 185: 109444 doi.org/10.1016/j.envres.2020.109444.
- Trạm BVTV huyện Đông Anh (2022). Báo cáo tổng kết thực hiện nhiệm vụ năm 2022.
- Trần Hữu Hiệp (2022). Choáng váng khi gần 50% mẫu rau quả ở chợ đầu mối TP.HCM có dư lượng hóa chất. Truy cập từ <https://tuoitre.vn/choang-vang-khi-gan-50-mau-rau-qua-o-cho-dau-moi-tp-hcm-co-du-luong-hoa-chat-20220718073920536.htm>. Truy cập ngày 20/3/2024.
- Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh (2020). Đề án xây dựng Quận Đông Anh. Hà Nội.
- Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh (2022). Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2022. Hà Nội.